



CTCP KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

TP HCM, Ngày 26 tháng 04 năm 2024

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam và Điều lệ hoạt động Công ty Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành về việc qui định quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát tại công ty cổ phần.
- Căn cứ vào Quy chế làm việc của Ban kiểm soát Công ty Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành qui định trách nhiệm, quyền hạn và chế độ làm việc của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát Công ty Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành xin báo cáo nội dung hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) trong năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

I/ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế làm việc và Chương trình làm việc của BKS năm 2023 và đảm bảo các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành. Các thành viên trong BKS đã thực hiện nhiệm vụ 1 cách trung thực, từng thành viên được phân công trách nhiệm cụ thể. Đại diện BKS có mặt đầy đủ các kỳ họp của HĐQT để ghi nhận mọi hoạt động của công ty và báo cáo đầy đủ kết quả giám sát trong các kỳ họp.

III/ KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG:**1- KIỂM SOÁT BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:****1.1-Đánh giá chung kết quả kinh doanh năm 2023:**

(Đơn vị tính: triệu đồng)

CHỈ TIÊU	Y2020	Y2021	Y2022	Y2023	So sánh Y2023/Y2022	
1 Doanh thu	157,740	156,875	187,367	171,544	(15,823)	-8.4%
2 Các khoản giảm trừ DT	339	130	407	398	(10)	-2.4%
3 Doanh thu thuần	157,401	156,745	186,960	171,146	(15,814)	-8.5%
4 Giá vốn hàng bán	131,244	137,718	161,946	144,541	(17,405)	-10.7%
5 Lợi nhuận gộp	26,157	19,027	25,014	26,605	1,591	6.4%
6 Doanh thu tài chính	81	32	1,828	464	(1,364)	-74.6%
7 Chi phí tài chính	1,903	1,787	1,373	2,090	717	52.2%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	1,738	1,450	1,340	1,920	580	43.3%
8 Chi phí bán hàng	7,500	6,521	8,088	8,322	234	2.9%
9 Chi phí QLDN	6,692	5,232	5,121	5,866	745	14.5%
10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần	10,142	5,520	12,259	10,790	(1,468)	-12.0%
11 Thu nhập khác	14	1	76	0	(76)	-100.0%
12 Chi phí khác	3	958	798	150	(648)	-81.2%
13 Lợi nhuận khác	11	(957)	(722)	(150)	571	-79.2%
14 LN trước thuế	10,153	4,563	11,537	10,640	(897)	-7.8%
15 Chi phí thuế thu nhập	1,442	1,099	2,319	2,136	(184)	-7.9%
17 Lợi nhuận sau thuế	8,711	3,464	9,218	8,504	(713)	-7.7%

- Doanh thu thuần năm 2023 giảm so với 2022 là 8,5%. Giá vốn giảm 10,7%-mức giảm nhiều hơn mức tăng DTT, cho thấy công ty năm nay kiểm soát tốt giá vốn, giúp LN gộp tăng 6,4%.
- DT tài chính giảm nhưng chi phí tài chính lại tăng cao, chủ yếu là do chi phí lãi vay cao.
- CP bán hàng năm nay tăng 2,9%, chủ yếu do chi phí nhân công & chi phí nguyên vật liệu. CP QLDN tăng rất cao 14,5% chủ yếu đến từ chi phí vật liệu quản lý. Dù DTT giảm

nhưng 2 chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp đều tăng cho thấy công ty chưa quản lý tốt 2 chi phí này.

- LN thuần năm nay giảm 12%, LN trước thuế giảm 7,8%, sau thuế giảm 7,7% cho thấy năm nay công ty không hiệu quả so với năm 2022. Tuy nhiên, công ty cũng đã có những duy trì ổn định để giữ lại mức lợi nhuận so với 2020, 2022 (năm 2021 mức lợi nhuận thấp do ảnh hưởng covid).

1.2- Chi tiết doanh thu & chi phí:

I. DOANH THU	Y2020	Y2021	Y2022	Y2023	So sánh Y2023/Y2022	
1 DT thuần	157,401	156,745	186,960	171,146	(15,814)	-8.5%
2 DT tài chính	81	32	1,828	464	(1,364)	-74.6%
3 Thu nhập khác	14	1	76	0	(76)	-100.0%
Tổng Doanh Thu	157,496	156,778	188,864	171,610	(17,254)	-9.1%
II. CHI PHÍ						
1 Giá vốn hàng bán	131,244	137,718	161,946	144,541	(17,405)	-10.7%
2 Chi phí tài chính	1,903	1,787	1,373	2,090	717	52.2%
3 Chi phí bán hàng	7,500	6,521	8,088	8,322	234	2.9%
4 Chi phí QLDN	6,692	5,232	5,121	5,866	745	14.5%
5 Chi phí khác	3	958	798	150	(648)	-81.2%
6 Chi phí thuế thu nhập	1,442	1,099	2,319	2,136	(184)	-7.9%
Tổng Chi phí	148,785	153,314	179,647	163,106	(16,541)	-9.2%
Tỷ trọng Tổng CP/ Tổng DT	94.5%	97.8%	95.1%	95.0%	(0)	-0.1%
III. TỶ TRỌNG/ TỔNG DT	Y2020	Y2021	Y2022	Y2023		
1 Giá vốn hàng bán	83.3%	87.8%	85.7%	84.2%	-1.5%	
2 Chi phí tài chính	1.2%	1.1%	0.7%	1.2%	0.5%	
3 Chi phí bán hàng	4.8%	4.2%	4.3%	4.8%	0.6%	
4 Chi phí QLDN	4.2%	3.3%	2.7%	3.4%	0.7%	
5 Chi phí khác	0.0%	0.6%	0.4%	0.1%	-0.3%	
6 Chi phí thuế thu nhập	0.9%	0.7%	1.2%	1.2%	0.0%	
7 Lợi nhuận sau thuế	5.5%	2.2%	4.9%	5.0%	0.1%	

- Tổng doanh thu giảm hơn 17 tỷ tương ứng giảm 9%, tổng chi phí giảm 16,5 tỷ cũng tương ứng hơn 9%. Do đó, lợi nhuận năm nay của công ty chưa có gì đột biến so với năm 2022.
- Tỷ trọng Tổng CP/ Tổng DT do đó cũng không thay đổi. Năm 2022, 2023 hiệu quả hơn 2021 nhưng chưa hiệu quả bằng 2020.

Nhìn tổng qua các tỷ trọng, LNST tăng được nhờ cải thiện tốt được giá vốn là trọng yếu. Giá vốn chiếm tỷ trọng rất cao (năm 2023 là 84,2%) nhưng đã được kiểm soát rất tốt trong năm 2023 nên giúp cho lợi nhuận năm nay được giữ ở mức ổn định.

2- KIỂM SOÁT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tính đến 31/12/2023)

2.1- Tài sản:

Tỷ trọng TS ngắn hạn/Tổng TS là 52% & TS dài hạn/Tổng TS là 48%. Trong đó:

- Tiền & các khoản tương đương tiền giảm 16%, tuy nhiên vẫn giữ giá trị gần 28 tỷ (tỷ trọng 16%) cho nguồn vốn lưu động của công ty.
- Các khoản phải thu & hàng tồn kho chiếm tỷ trọng cao nhưng năm 2023 chưa được kiểm soát tốt, do đó phải thu tăng 19% (trong khi doanh thu giảm). Cho thấy, công ty đang bị chiếm dụng vốn, khi công ty phải vay và trả lãi vay tăng cao. Cần kiểm soát tốt các khoản phải thu hoặc đàm phán lại các chính sách thanh toán & công nợ.
- Hàng tồn kho cũng tăng gần 5%, chủ yếu dự trữ nguyên vật liệu nhiều hơn khi doanh thu trong năm lại giảm. Như vậy, công ty cũng cần đánh giá tình hình giá cả nguyên vật liệu & có những dự báo doanh thu tương lai để trữ nguyên vật liệu hiệu

quả nhất. Nếu dự báo giá NVL sắp tới tăng hoặc doanh thu sắp tới tăng thì việc tồn trữ này là cần thiết.

- TS dài hạn: tăng 5,3% đến từ TS cố định hữu hình do trong năm công ty có mua thêm tài sản & chi phí trả trước dài hạn cũng cho thấy công ty hiện đang bị chiếm dụng vốn.

IV. CHỈ TIÊU CĐKT	Y2020	Y2021	Y2022	Y2023	So sánh Y2023/Y2022	Tỷ trọng
** TÀI SẢN NGẮN HẠN	91,196	76,374	88,852	89,466	614	0.7%
Tiền và các khoản tương đương tiền	43,222	18,617	33,200	27,817	(5,383)	-16.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	-	0.0%
Các khoản phải thu ngắn hạn	18,729	21,249	22,032	26,207	4,175	19.0%
Hàng tồn kho	28,656	35,619	32,144	33,686	1,542	4.8%
Tài sản ngắn hạn khác	589	889	1,476	1,756	279	18.9%
** TÀI SẢN DÀI HẠN	77,218	75,744	77,889	82,013	4,124	5.3%
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	0%
Tài sản cố định	75,108	74,008	74,589	77,469	2,880	3.9%
Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-	-	-	0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,500	1,500	1,500	1,500	-	0.0%
Tài sản dài hạn khác	610	236	1,799	3,044	1,245	69.2%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	168,414	152,118	166,741	171,479	4,738	2.8%
** NỢ PHẢI TRẢ	44,040	30,786	37,472	41,163	3,691	9.9%
Nợ ngắn hạn	43,533	30,279	36,965	40,656	3,691	10.0%
Nợ dài hạn	507	507	507	507	-	0.0%
** VỐN CHỦ SỞ HỮU	124,374	121,332	129,269	130,316	1,047	0.8%
Vốn góp của chủ sở hữu	124,374	121,332	129,269	130,316	1,047	0.8%
Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-	-	0%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	168,414	152,118	166,741	171,479	4,738	2.8%

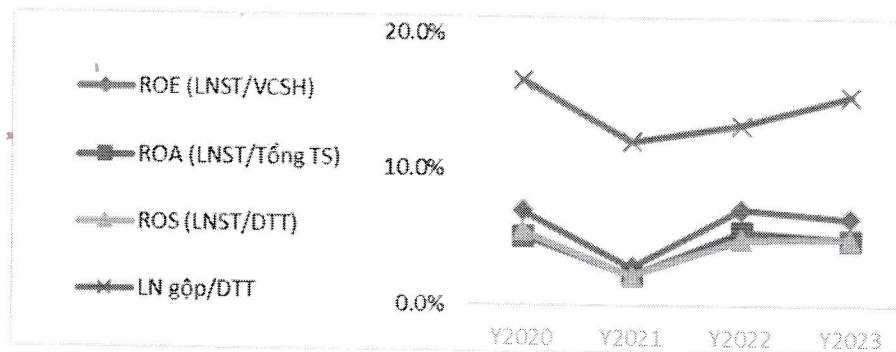
2.2- Nguồn vốn:

- Nợ phải trả (tỷ trọng 24%): tăng 3,7 tỷ, tương ứng tăng gần 10%. Trong khi phải thu tăng 19%, phải trả chỉ tăng 10% - tức công ty bị chiếm dụng vốn.
- Vốn góp (tỷ trọng 76%): với tỷ lệ vốn góp này cho thấy công ty hầu như không có rủi ro vì kinh doanh bằng vốn chủ sở hữu. Vốn góp năm nay tăng nhẹ so với năm trước.

2.3- Các chỉ số tài chính:

V. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	Y2020	Y2021	Y2022	Y2023
** Hiệu quả sử dụng vốn/sinh lời	Y2020	Y2021	Y2022	Y2023
ROE (LNST/VCSH)	7.0%	2.9%	7.1%	6.5%
ROA (LNST/Tổng TS)	5.2%	2.3%	5.5%	5.0%
ROS (LNST/DTT)	5.5%	2.2%	4.9%	5.0%
LN góp/DTT	16.6%	12.1%	13.4%	15.5%
Vòng quay tồn kho (DTT/ tồn kho)	5.5	4.4	5.8	5.1
Thanh toán lãi vay =(LN trước thuế+lãi vay)/lãi vay	6.8	4.1	9.6	6.5
** Cơ cấu vốn, tính ổn định				
Nợ/VCSH	35%	25%	29%	32%
Nợ/Tổng TS	26%	20%	22%	24%
** Sức tăng trưởng (năm sau/năm trước)				
Sức tăng trưởng DT (lần)	0.9	1.0	1.2	0.9
Sức tăng trưởng LN (lần)	1.2	0.4	2.7	0.9

- Các chỉ số sinh lời trong năm 2023 không tốt hơn so với năm 2022. Chỉ số LN góp/DTT thì hiệu quả hơn năm trước.
- Sức tăng trưởng lợi nhuận, doanh thu cũng không tốt hơn.



3- KIỂM SOÁT TUÂN THỦ:

- Sổ sách, phần mềm kế toán cập nhật đầy đủ, rõ ràng, ghi nhận đầy đủ các số liệu theo đúng qui định của công ty và các chuẩn mực kế toán. Các chứng từ thanh toán đầy đủ tính hợp pháp, hợp lý. Công nợ, số dư tiền gửi, tiền vay, số liệu tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm,... được theo dõi đầy đủ, chi tiết, có đối chiếu và xác nhận. Nhân sự BKS thường xuyên kiểm tra, theo dõi.
- Báo cáo tài chính năm 2023 được lập đúng biểu mẫu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành. Số liệu phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2023 đã được thể hiện đầy đủ, kịp thời, rõ ràng, chính xác, trung thực và hợp lý; đã được kiểm toán độc lập.

4- KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT & BĐH :

- HĐQT & BĐH luôn tuân thủ theo Điều lệ, Quy chế quản trị và Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên. Thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo luật định. Phối hợp với BKS thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành SXKD theo đúng Luật doanh nghiệp, điều lệ và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Kết quả giám sát cho thấy chưa phát hiện trường hợp sai phạm.
- BKS thống nhất với toàn bộ nội dung đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT được xác định trong Báo cáo tổng kết của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2023.

III/ KIẾN NGHỊ:

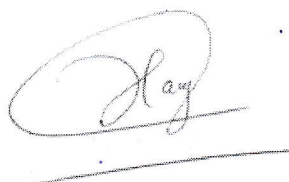
BKS nhất trí với Báo cáo tổng kết của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2023, hoạt động của công ty luôn tuân thủ theo Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHCĐ và các qui định của pháp luật. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 là lãi, HĐQT & BGĐ công ty luôn làm việc có tâm, linh hoạt, các cuộc họp HĐQT đều đặt ra những mục tiêu & giải quyết nhanh chóng. Vì vậy, BKS chỉ kiến nghị: kiểm soát tốt các khoản phải thu và chi phí bán hàng, chi phí quản lý.

Trên đây là một số nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát, xin báo cáo trước Đại Hội Đồng Cổ Đông. Rất mong được sự góp ý chân thành của quý cổ đông nhằm giúp chúng tôi thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong niên độ tới.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT DTT

Trưởng Ban



TRẦN THỊ THANH HẰNG